

Phần một : LỊCH SỬ THẾ GIỚI CẬN ĐẠI (Tiếp theo)

Chương I : CÁC NƯỚC CHÂU Á, CHÂU PHI VÀ KHU VỰC MĨ LA TINH (Thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX)

Bài 1 : NHẬT BẢN

1. Nhật Bản từ đầu thế kỉ XIX đến trước năm 1868.

Đầu thế kỉ XIX chế độ Mạc phủ ở Nhật Bản lâm vào khủng hoảng suy yếu. Đây là thời kì xã hội Nhật Bản chứa đựng nhiều mâu thuẫn trong tất cả các lĩnh vực:

- *Về kinh tế:*
 - Nông nghiệp dựa trên quan hệ sản xuất phong kiến lạc hậu, mất mùa đói kém xảy ra triền miên.
 - Công nghiệp: thành thị, hải cảng kinh tế hàng hóa phát triển, công trường thủ công xuất hiện nhiều.
 - Mầm mống kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển nhanh chóng.
- *Về xã hội:*
 - Duy trì chế độ đẳng cấp.
 - Tầng lớp Đaimyo có quyền lực tuyệt đối trong lãnh địa
 - Tầng lớp tư sản nông nghiệp hình thành và ngày càng giàu có nhưng không có quyền lực chính trị. Giai cấp tư sản vẫn còn yếu, không đủ sức xóa bỏ chế độ phong kiến.
 - Nông dân là đối tượng chủ yếu của giai cấp phong kiến.
- *Về chính trị:*
 - Giữa thế kỉ XIX, Nhật Bản vẫn là quốc gia phong kiến
 - Mâu thuẫn giai cấp trong nước ngày càng gay gắt, chế độ Mạc Phủ khủng hoảng nghiêm trọng.
 - Các nước tư bản phương Tây, trước tiên là Mĩ dùng áp lực quân sự đòi Nhật Bản phải mở cửa.

=> Giữa thế kỉ XIX, Nhật Bản đứng trước lựa chọn hoặc tiếp tục con đường trì trệ, bảo thủ để các nước đế quốc xâm xé; hoặc canh tân, cải cách xóa bỏ chế độ phong kiến, đưa Nhật Bản hoà nhập với nền kinh tế phương Tây.

2. Cuộc Duy tân Minh Trị

- *Hoàn cảnh lịch sử:*
 - Mạc phủ kí kết nhiều hiệp ước bất bình với nước ngoài làm cho tầng lớp xã hội phản ứng mạnh mẽ.
 - Những năm 60 của thế kỉ XX đã làm sụp đổ chế độ Mạc phủ.
 - Tháng 01/1868 Sô-gun bị lật đổ. Thiên hoàng Minh Trị trở lại nắm quyền và thực hiện một loạt cải cách.
- *Về chính trị:*
 - Thủ tiêu chế độ Mạc Phủ, thiết lập chế độ mới thực hiện quyền bình đẳng giữa các công dân.
 - Năm 1889, hiến pháp mới được ban hành , chế độ quân chủ lập hiến được thiết lập.
- *Về kinh tế:*
 - Thống nhất tiền tệ, thống nhất thị trường
 - Cho phép mua bán ruộng đất
 - Tăng cường phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa.
- *Về quân sự:*

- Quân đội được huấn luyện và tổ chức theo kiểu phương Tây.
- Chế độ nghĩa vụ quân sự thay cho chế độ trưng binh.
- Chú trọng đóng tàu chiến, sản xuất vũ khí đạn dược.
- *Về giáo dục*
 - Thi hành chính sách giáo dục bắt buộc.
 - Chú trọng nội dung khoa học- kỹ thuật trong chương trình giảng dạy.
 - Cử những học sinh giỏi đi du học phương Tây...

=> Cuộc cải cách mang tính chất của một cuộc CM tư sản giúp Nhật thoát khỏi số phận bị các nước tư bản phương Tây xâm lược. Đồng thời mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển ở Nhật.

3. Nhật Bản chuyên sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa.

- Trong 30 năm cuối thế kỉ XIX (sau chiến tranh Trung - Nhật (1894-1895), kinh tế Nhật Bản phát triển mạnh mẽ.
- Quá trình tập trung trong công nghiệp, thương nghiệp với ngân hàng đã đưa đến sự ra đời những công ty độc quyền, Mít-xui, Mit-su-bi-si chi phối đời sống kinh tế, chính trị Nhật Bản.
- Đầu thế kỉ XX, Nhật thi hành chính sách xâm lược và bành trướng:
 - Năm 1874 Nhật xâm lược Đài Loan.
 - Năm 1894 – 1895 Nhật gây chiến với Trung Quốc để tranh giành Triều Tiên, uy hiếp Bắc Kinh, chiếm cửa biển Lữ Thuận, nhà Thanh phải nhượng Đài Loan và Liêu Đông cho Nhật
 - Năm 1904-1905 Nhật gây chiến với Nga buộc Nga phải nhường cửa biển Lữ Thuận, đảo Xa-kha-lin, thừa nhận Nhật Bản chiếm đóng Triều Tiên.
 - Năm 1914, Nhật dùng vũ lực mở rộng ảnh hưởng ở Trung Quốc và chiếm Sơn Đông. Nhật trở thành đế quốc hùng mạnh nhất châu Á.
- Cùng với sự phát triển của chủ nghĩa tư bản là sự bần cùng hoá của quần chúng nhân dân lao động.
- Chủ nghĩa đế quốc Nhật được gọi là “Chủ nghĩa đế quốc phong kiến quân phiệt, hiếu chiến”

* Chính sách đối nội

- Sự bóc lột nặng nề của giới chủ đã dẫn đến nhiều cuộc đấu tranh của công nhân.
- Rất phản động, bóc lột nặng nề nhân dân trong nước, nhất là giai cấp công nhân, công nhân Nhật phải làm việc từ 12 đến 14 giờ một ngày trong những điều kiện tồi tệ, tiền lương thấp.



Bài 2: AN ĐỘ

1. Tình hình kinh tế, xã hội Ấn Độ nửa sau thế kỉ XIX.

Từ đầu thế kỉ XVII, cuộc tranh giành quyền lực của các chúa phong kiến trong nước làm Ấn Độ suy yếu => giữa thế kỉ XIX, thực dân Anh đã xâm lược và đặt ách cai trị ở Ấn Độ.

- *Về kinh tế:*
 - Thực dân Anh mở rộng khai thác thuộc địa, vơ vét tài sản của nhân dân.
 - Ấn Độ trở thành thuộc địa quan trọng nhất nền công nghiệp Anh.
- *Về chính trị - xã hội:*
 - Thực dân Anh nắm quyền cai trị trực tiếp Ấn Độ.
 - Thực dân Anh tiến hành chính sách chia để trị, mua chuộc tầng lớp...
 - Tìm cách khơi sâu sự cách biệt về chủng tộc, tôn giáo và đẳng cấp trong xã hội để dễ bề cai trị.

- Về giáo dục:
 - Thi hành chính sách giáo dục ngu dân, khuyến khích tập quán lạc hậu và hủ tục cổ xưa.

2. Cuộc khởi nghĩa Xipay (1857 – 1859) (Giảm tải)

3. Đảng Quốc đại và phong trào dân tộc (1885 – 1908)

a. Sự thành lập Đảng Quốc Đại:

- Năm 1885 giai cấp tư sản Ấn Độ thành lập Đảng Quốc Đại
- Hoạt động: Từ 1885 – 1905: Dùng phương pháp ôn hòa
- Từ 1905: Xuất hiện phái cấp tiến, đòi lật đổ ách thống trị thực dân Anh.

b. Phong trào dân tộc

- Nguyên nhân:
 - Tháng 7/1905: Anh ban hành đạo luật chia đôi Bengan -> Thổi bùng lên phong trào đấu tranh.
- Diễn biến:
 - Phong trào đấu tranh chống đạo luật Bengan diễn ra mạnh mẽ.
 - Tháng 6/1908: công nhân Bombay tiến hành tổng bãi công.
- Kết quả - ý nghĩa:
 - Phong trào dân tộc buộc thực dân Anh phải thu hồi đạo luật chia cắt Ben – gan.
 - Phong trào mang đậm ý thức dân tộc
 - Đánh dấu một thời kì đấu tranh mới.
 - Thức tỉnh nhân dân Ấn Độ và nhân dân các nước.



Bài 3 : TRUNG QUỐC

1. Trung Quốc bị các nước đế quốc xâm lược.

- HS tự đọc và tham khảo thêm.

2. Phong trào đấu tranh của nhân dân Trung Quốc giữa thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX

Nội dung	Khởi nghĩa Thái bình Thiên Quốc	Phong trào Duy Tân	Phong trào Nghĩa Hòa đoàn
Thời gian	1851 - 1864	1898	Cuối TK XIX đầu TK XX.
Lãnh đạo	Hồng Tú Toàn	Khang Hữu Vi Lương Khải Siêu	
Lực lượng	Nông dân	Quan lại, sỹ phu tiến bộ, vua Quang Tự	Nông dân
Diễn biến chính	-Bùng nổ ngày 1/1/1851 tại kim Điền (Quảng Tây), lan rộng khắp cả nước. -Bị phong kiến đàn áp -Năm 1864 thất bại	Năm 1898 diễn ra cuộc vận động Duy Tân, tiến hành cải cách cứu vãn tình thế. -Diễn ra 100 ngày	Năm 1899 bùng nổ ở Sơn Đông lan sang Trực Lệ, Sơn Tây, tấn công sứ quán nước ngoài ở Bắc Kinh, bị liên quân 8 nước đế quốc tấn công nên

			thất bại
Tính chất - ý thức	Là cuộc khởi nghĩa nông dân vĩ đại chống phong kiến làm lung lay triều đình phong kiến Mãn Thanh	Cải cách dân chủ, tư sản, khởi xướng khuynh hướng dân chủ tư sản ở Trung Quốc	Phong trào yêu nước chống đế quốc. Giáng một đòn mạnh vào đế quốc.

3. Tôn Trung Sơn và cách mạng Tân Hợi 1911

a. Tôn Trung Sơn và tổ chức Đồng Minh Hội

- Tháng 8/1905, Tôn Trung Sơn tập hợp giai cấp tư sản Trung Quốc thành lập Đồng minh hội – chính Đảng của giai cấp tư sản Trung Quốc.
- Tham gia: Trí thức tư sản, tiểu tư sản, địa chủ, một số ít đại biểu công nông.
- Cương lĩnh chính trị: theo chỉ nghĩa Tam Dân của Tôn Trung Sơn (dân tộc độc lập, dân quyền tự do và dân sinh hạnh phúc).
- Mục đích của Hội là : “ Đánh đổ Mãn Thanh, khôi phục Trung Hoa, thành lập dân quốc”.

b. Cách mạng Tân Hợi (1911)

- *Nguyên nhân:*
 - Nhân dân Trung Quốc > < đế quốc và phong kiến.
 - Ngày 9/5/1911, nhà Thanh trao quyền kiểm soát đường sắt cho đế quốc sự kiện này châm ngòi cho CM bùng nổ.
- *Diễn biến:*
 - 10/10/1911 khởi nghĩa bùng nổ ở Vũ Xương -> lan rộng khắp miền Nam, miền Trung.
 - Ngày 19/12/1911, tuyên bố thành lập chính phủ lâm thời Trung Hoa dân quốc. Tôn Trung Sơn làm Đại Tổng thống.
 - Tháng 2/ 1912, Tôn Trung Sơn mắc sai lầm là thương lượng với Viên Thế Khải đồng ý nhường cho ông ta làm Tổng thống. Cách mạng chấm dứt.
- *Tính chất – ý nghĩa:*
 - Cách mạng mang tính chất của cuộc cách mạng dân chủ tư sản đã lật đổ chế độ phong kiến Mãn Thanh, thành lập Trung Hoa Dân Quốc, tạo điều kiện cho nền kinh tế tư bản phát triển.
 - Cách mạng ảnh hưởng lớn đến phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, trong đó có Việt Nam.
 - Cách mạng có nhiều hạn chế: Không nêu vấn đề đánh đuổi đế quốc, không tích cực chống phong kiến đến cùng, không giải quyết được vấn đề ruộng đất cho nông dân.



Bài 4: CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á (Cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX)

1. Quá trình xâm lược của chủ nghĩa thực dân vào các nước Đông Nam Á.

a. Nguyên nhân:

- Các nước Đông Nam Á là vùng chiến lược quan trọng, giàu tài nguyên, chế độ phong kiến suy yếu.
- Giàu tài nguyên thiên nhiên, có nền văn hóa lâu đời.
- Các nước Tư bản cần thị trường và thuộc địa.

b. Tình hình Đông Nam Á vào cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX.

Tên các nước	Thực dân xâm lược	Thời gian hoàn thành xâm lược.
--------------	-------------------	--------------------------------

In – đô – nê – xi – a	Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Hà Lan	Giữa XIX Hà Lan hoàn thành xâm chiếm và lập ách thống trị
Phi-lip-pin	Tây Ban Nha, Mỹ	Giữa thế kỉ XVI Tây Ban Nha thống trị - Năm 1898 Mỹ chiến tranh với Tây Ban Nha, hất cẳng Tây Ban Nha khỏi Phi-lip-pin. - Năm 1899-1902 Mỹ chiến tranh xâm lược Philippin, biến quần đảo, này thành thuộc địa của Mỹ.
Miền Điện	Anh	Năm 1885 Anh thôn tính Miền Điện
	Anh	Đầu thế kỉ XIX Mã - lai trở thành thuộc địa của Anh
Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia	Pháp	Cuối thế kỉ XIX, Pháp hoàn thành xâm lược 3 nước Đông Dương
Xiêm (Thái Lan)	Anh - Pháp tranh chấp	Xiêm vẫn giữ được độc lập

2. Phong trào chống thực dân Hà Lan của nhân dân In-đô-nê-xi-a.

- HS tham khảo và đọc thêm

3. Phong trào chống thực dân ở Phi-lip-pin

- HS tham khảo và đọc thêm

4. Phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp của nhân dân Cam – pu – chia.

- Nguyên nhân:
 - Năm 1863, Pháp gây áp lực buộc CPC phải chấp nhận quyền bảo hộ của Pháp.
 - Năm 1884, kí hiệp ước biên CPC thành thuộc địa của Pháp.
- Các cuộc khởi nghĩa:
 - 1861 – 1892 : Cuộc khởi nghĩa của hàng thân Sivôtha.
 - 1863 – 1866: Cuộc khởi nghĩa của Acha Xoa
 - 1866 – 1867: Cuộc khởi nghĩa của Pucômbô
 - Các cuộc khởi nghĩa nổ ra liên tục, có cuộc khởi nghĩa kéo dài tới 30 năm.
 - Các cuộc đấu tranh thu hút được đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia.

5. Phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp của nhân dân Lào đầu thế kỷ XX.

- Nguyên nhân:
 - Từ 1865, Pháp xâm nhập vào Lào, buộc triều đình Luông Pha Bang công nhận nền thống trị của Pháp.
 - Năm 1893, Pháp đàm phán với Xiêm -> Lào trở thành thuộc địa của Pháp.
- Các cuộc khởi nghĩa:
 - 1901 – 1903: Cuộc khởi nghĩa của Phacađuốc
 - 1901 – 1937: Cuộc khởi nghĩa do Ong Kẹo, Com – ma – đam chỉ huy.
 - 1918 – 1922: Khởi nghĩa Châu Pa – chay.
- Kết quả:
 - Các cuộc đấu tranh đều thất bại do tự phát thiếu đường lối đúng đắn, thiếu tổ chức vững vàng.
 - Thể hiện tinh thần yêu nước và tinh thần đoàn kết của nhân dân 3 nước Đông Dương

6. Xiêm (Thái Lan) giữa thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX

- *Bối cảnh lịch sử*
 - Năm 1752 triều đại Ra-ma theo đuổi chính sách đóng cửa.
 - Giữa thế kỉ XIX đứng trước sự đe dọa xâm lược của phương Tây, Ra-ma IV (Mông-kút ở ngôi từ 1851-1868) đã thực hiện mở cửa buôn bán với nước ngoài.
 - Ra-ma V (Chu-la-long-con ở ngôi từ 1868 - 1910) đã thực hiện nhiều chính sách cải cách.

*** Nội dung cải cách**

- *Kinh tế*
 - Nông nghiệp: để tăng nhanh lượng gạo xuất khẩu nhà nước giảm nhẹ thuế ruộng, xóa bỏ chế độ lao dịch.
 - Công thương nghiệp: khuyến khích tư nhân bỏ vốn kinh doanh, xây dựng nhà máy, mở hiệu buôn, ngân hàng
- *Chính trị:*
 - Cải cách theo khuôn mẫu Phương Tây .
 - Đứng đầu nhà nước vẫn là vua.
 - Giúp việc có hội đồng nhà nước (nghị viện) .
 - Chính phủ có 12 bộ trưởng.
- *Quân đội, tòa án, trường học:* được cải cách theo khuôn mẫu phương Tây.
- *Về xã hội:* xóa bỏ chế độ nô lệ , giải phóng người lao động.
- *Đối ngoại:*
 - Thực hiện chính sách ngoại giao mềm dẻo.
 - Lợi dụng vị trí nước đệm .
 - Lợi dụng mâu thuẫn giữa 2 thế lực Anh - Pháp đã lựa chiều có lợi để giữ chủ quyền đất nước.

*** Tính chất:**

- Thái Lan phát triển theo hướng tư bản chủ nghĩa và giữ được chủ quyền độc lập.
- Tính chất một cuộc cách mạng tư sản không triệt để.
- Trong bối cảnh chung của châu Á, Thái Lan đã thực hiện đường lối cải cách, chính nhờ đó mà Thái Lan thoát khỏi thân phận thuộc địa giữ được độc lập.



Bài 5: CHÂU PHI VÀ KHU VỰC MĨ LATINH (Cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX)

1. Châu Phi

- *Khái quát:*
 - Là châu lục lớn, giàu tài nguyên
 - Là một trong những cái nôi của văn minh nhân loại.
 - Quá trình các nước thực dân xâm lược:
 - Giữa thế kỉ XIX, các nước thực dân bắt đầu xâm lược châu Phi
 - Đầu thế kỉ XX, việc phân chia thuộc địa giữa các nước đế quốc ở Châu Phi căn bản hoàn thành.

Đề quốc	Thuộc địa
Anh	Ai Cập, Đông xudăng, Kênia, Nam Phi, Nigiêria
Pháp	Angiêri, Tây Phi, Mađagaxca
Đức	Tây Nam Phi, Camorun

Bỉ	Công Gô
Bồ Đào Nha	Mô Dăm Bích, Ăng gô la

- Các cuộc đấu tranh tiêu biểu của nhân dân Châu Phi.

Thời gian	Phong trào đấu tranh	Kết quả
1830 – 1874	Cuộc đấu tranh của Áp-đen Ca-đê ở Angiêri thu hút đông đảo lực lượng tham gia	Pháp mất nhiều thập niên mới chinh phục được nước này.
1879 – 1882	Ổ Ai Cập Atmet Arabi lãnh đạo phong trào “Ai Cập trẻ”	Năm 1882 các đế quốc mới ngăn chặn được phong trào
1882 – 1898	Mu-ha-met At-mét đã lãnh đạo nhân dân Xu-Đăng chống thực dân Anh	Năm 1898 phong trào bị đàn áp đẫm máu nên thất bại
1889	Nhân dân Ê-ti-ô-pi-a tiến hành kháng chiến chống thực dân Italia.	- Ngày 01/3/1896 Italia thất bại, Êtiôpia giữ được độc lập - Cùng với Libêria là những nước châu Phi giữ được độc lập ở cuối thế kỉ XIX đến XX.

*** Nhận xét:**

- Các phong trào diễn ra sôi nổi, thể hiện tinh thần yêu nước
- Đa số thất bại (trừ Ê – ti – ô – pi – a, Li – bê – ri – a).

2. Khu vực Mĩ La Tinh

*** Phong trào đấu tranh giành độc lập**

- Từ thế kỉ XVI, XVII đa số trở thành thuộc địa của Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha.
- Đầu thế kỉ XIX, phần lớn các nước Mĩ La Tinh giành được độc lập.

Quốc gia	Thời gian giành độc lập
Mê hi cô	1821
Áchentina	1816
Urugoay	1828
Paragoay	1811
Braxin	1822
Pê-ru	1821
Colômbia	1830
Ecuado	1830

***Tình hình Mĩ La-tinh sau khi giành độc lập và chính sách bành trướng của Mĩ**

- Sau khi giành độc lập, các nước Mĩ La-tinh có tiến bộ về kinh tế xã hội: Braxin trồng nhiều bông và cao su, cung cấp một nửa cà phê cho thị trường thế giới. Aentina sản xuất len, da cừu, thịt bò xuất khẩu sang Anh... Các đồn điền trồng lúa mì, cây công nghiệp, chăn nuôi lấy thịt, sữa và lông phát triển mạnh trở thành nguồn hàng xuất khẩu có giá trị của nhiều nước. Dân số tăng nhanh do người nhập cư ngày càng đông.
- Mĩ âm mưu biến Mĩ La-tinh thành “sân sau” của Mĩ ở Mĩ La-tinh.
- Để thực hiện được âm mưu của mình, Mĩ đã đưa ra thủ đoạn tuyên truyền học thuyết: “Châu Mĩ của người châu Mĩ” (1823), thành lập “Liên minh dân tộc các nước cộng hòa châu Mĩ” (Liên Mỹ) dưới sự chỉ huy của Oa-sinh-ton.
- Năm 1898 Mĩ hất cẳng Tây Ban Nha (người châu Âu) khỏi châu Mĩ.
- Đầu thế kỉ XX, dùng chính sách “Cái gậy lớn” và “Ngoại giao đô la” để khống chế khu vực này.
- Mĩ La-tinh trở thành thuộc địa kiểu mới của Mĩ.



Chương II: CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1914 – 1918)

Bài 6: CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1914 – 1918)

I. Nguyên nhân của chiến tranh

1. Nguyên nhân sâu xa

- Mâu thuẫn giữa các đế quốc về thị trường và thuộc địa.
- Các cuộc chiến tranh biểu hiện những mâu thuẫn của các đế quốc.
 - 1898: Chiến tranh Mỹ - Tây Ban Nha
 - 1899 – 1902: Chiến tranh Anh – Bồ Đào Nha
 - 1900: 8 nước đế quốc can thiệp vũ trang vào Trung Quốc
 - 1904 – 1905: Chiến tranh Nga – Nhật.

2. Nguyên nhân trực tiếp

- Hai khối quân sự kình địch, mâu thuẫn tích cực chạy đua vũ trang thanh toán nhau.
 - Khối Liên minh: Đức + Áo – Hung
 - Khối hiệp ước: Anh + Pháp + Nga
- Duyên cớ: 28/6/1914, Thái tử Áo bị ám sát => chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ.

II. Diễn biến cuộc chiến tranh

1. Giai đoạn 1 (1914 – 1916)

- 28/7/1914, Áo – Hung tấn công Xécbi.
- 1/8/1914, Đức tấn công Nga.
- 3/8/1914, Đức tấn công Pháp.
- 4/8/1914, Anh tuyên chiến với Đức.
- Chiến tranh thế giới bùng nổ diễn ra trên 2 mặt trận Đông Âu và Tây Âu
- Chiến tranh thế giới bùng nổ diễn ra trên 2 mặt trận Đông Âu và Tây Âu

<i>Thời gian</i>	<i>Chiến sự</i>	<i>Kết quả</i>
1914	- Ở phía Tây : ngay đêm 3.8 Đức tràn vào Bỉ, đánh sang Pháp. - Cùng lúc ở phía Đông; Nga tấn công Đông Phổ.	- Đức chiếm được Bỉ, một phần nước Pháp uy hiếp thủ đô Pa-ri. - Cứu nguy cho Pa-ri.
1915	- Đức, Áo - Hung dồn toàn lực tấn công Nga.	- Hai bên ở vào thế cầm cự trên một Mặt trận dài 1200 km.
1916	- Đức chuyển mục tiêu về phía Tây tấn công pháo đài Véc-doong.	- Đức không hạ được Véc-doong, 2 bên thiệt hại nặng.

2. Giai đoạn thứ 2 (1917 – 1918)

- Tháng 2.1917 nhân dân Nga làm cách mạng lật đổ Nga Hoàng => Giai cấp TS nắm quyền vẫn theo đuổi chiến tranh.
- 2.4.1917 Mỹ tuyên chiến với Đức, tham chiến với phe hiệp ước
- Tháng 11.1917 nhân dân Nga làm cuộc cách mạng XHCN thành công => nước Nga rút khỏi chiến tranh thế giới.
- Tháng 7.1918 quân Mỹ đổ bộ vào châu Âu => Quân Anh, Pháp phản công quân Đức trên các mặt trận.
- Cuối 9.1918 quân Đức liên tiếp thất bại => Đồng minh của Đức lần lượt đầu hàng. Bungari(19.9) Thổ Nhĩ Kỳ((30.10) Áo- Hung(2.11)
- 3.10 chính phủ mới ở Đức thành lập
- 9.11.1918 CM Đức bùng nổ vua VinHem II phải chạy sang Hà Lan
- 11.11.1918 Đức ký hiệp định đầu hàng => chiến tranh kết thúc sự thất bại hoàn toàn phe Đức, Áo- Hung

III. Kết cục của cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất.

* *Hậu quả của chiến tranh:*

- Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc với sự thất bại của phe Liên Minh, gây nên thiệt hại nặng nề về người và của.
 - 10 triệu người chết.
 - 20 triệu người bị thương.
 - Chiến phí 85 tỉ đô la.
- Các nước Châu Âu là con nợ của Mỹ.
- Bản đồ thế giới thay đổi .
- Cách mạng tháng Mười Nga thành công đánh dấu bước chuyển lớn trong cục diện thế giới.

* *Tính chất:*

- Chiến tranh thế giới thứ nhất là cuộc chiến tranh đế quốc phi nghĩa.

-----~~~~~-----

Chương III : NHỮNG THÀNH TỰU VĂN HÓA THỜI CẬN ĐẠI

Bài 7 : NHỮNG THÀNH TỰU VĂN HÓA THỜI CẬN ĐẠI

1. Sự phát triển của văn hóa trong buổi đầu thời cận đại.

Về văn học:

- Ở phương Tây:

- Cooc-nây (1606 – 1684) đại biểu xuất sắc cho nền bi kịch bi kịch cổ điển Pháp.
- La Phông-ten (1621 - 1695) là nhà ngụ ngôn, nhà văn cổ điển Pháp.
- Mô-li-e (1622 - 1673) là người mở đầu cho nền hài kịch cổ điển Pháp...
- Ở Châu Á:
 - Tào Tuyết Cần (1716 - 1763) của Trung Quốc;
 - Nhật Bản có nhà thơ, nhà soạn kịch xuất sắc Chi-ka-mát-xư Môn-đa-ê-môn (1653 - 1725);
 - Ở Việt Nam thế kỉ XVIII có nhà bác học Lê Quý Đôn (1726 - 1784).

Về âm nhạc:

- Mô da (1756-1791) – nhà soạn nhạc vĩ đại người Áo, người có công hiến to lớn cho nghệ thuật hợp xướng.

Về hội họa:

- Hà Lan có Rem-bran(1606-1669)-

Về tư tưởng:

- Phong trào Triết học ánh sáng TK XVII-XVIII sản sinh những nhà tư tưởng lớn : Mông-te-xki-ơ(1689 - 1755), Rút-xô (1712 - 1778) , Vôn-te (1694-1778)...Các nhà khai sáng có vai trò quan trọng trong sự thắng lợi của CM tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII và sự phát triển tư tưởng của Châu Âu.

Tác dụng, ý nghĩa:

- Phản ánh hiện thực xã hội thời cận đại.
- Hình thành quan điểm, tư tưởng của con người tư sản, tấn công vào thành trì CĐPK, góp phần vào thắng lợi của CNTB.

2. Thành tựu văn học, nghệ thuật từ đầu thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX

*** Điều kiện lịch sử:**

- Chủ nghĩa tư bản được xác lập trên phạm vi toàn thế giới và bước sang giai đoạn chủ nghĩa đế quốc.
- Giai cấp tư sản nắm quyền thông trị, mở rộng và xâm lược thuộc địa thì đời sống nhân dân lao động bị áp bức ngày càng khốn khổ.

*** Thành tựu**

Về văn học

- Ở phương Tây
 - Victor Hugo (1802-1885) nhà thơ, nhà tiểu thuyết, nhà viết kịch Pháp. Đặc biệt xuất sắc với “những người khốn khổ”(Les Misérables) và “nhà thờ Đức bà Paris”(Notre-Dame de Paris).
 - Nga có đại văn hào Lev Tolstoi(1828-1910) với “chiến trranh và hòa bình”, “bầu trời sụp đổ”, “thi hài sống”, “phục sinh”...
 - Mác-tuê-n (1835-1910) là một trong những nhà văn Mỹ nổi tiếng nhất giai đoạn cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Tác phẩm chính: nhưng cuộc phiêu lưu của Tom Sawyer, những người đi du lịch...
 - Honoré de Balzac (1799-1850) là nhà văn hiện thực Pháp.
- Châu Mỹ:
 - Jack London(1876-1916) nhà văn, tiểu thuyết gia người Mỹ. Các tác phẩm nổi tiếng: “Tiếng gọi nơi hoang dã”(The Call of the Wild), Gót sắt (Iron Heel), Martin Eden, Tình yêu cuộc sống (Love of Life) ,Nanh Trắng(White Fang)...

- o Ngoài ra còn có những tác gia nổi tiếng Hans Christian Andersen (1805–1875) người Đan Mạch với những truyện cổ tích thiếu nhi Nàng tiên cá, Cô bé bán diêm, Bà chúa tuyết, Vịt con xấu xí, Chú lính chì dũng cảm, Đôi giày đỏ,
- Ở phương Đông:
 - o Rabindranath Tagore(1861-1941) nhà văn hóa, nhà thơ dân tộc Ấn Độ.Thơ ông tiêu biểu như Thơ dâng, Balaca, Người làm vườn, Mùa hái quả, Ngày sinh, Thơ ngắn...
 - o Nhà văn Lỗ Tấn(1881-1936) nhà văn cách mạng Trung Quốc với các tác phẩm “AQ chính truyện”, “Nhật ký người điên”...
- Tác dụng, ý nghĩa:
 - o Các tác phẩm văn học đã phản ánh toàn diện hiện thực xã hội phương Tây dưới sự thống trị của GCTS.
 - o Phê phán sâu sắc XHPK lỗi thời, xã hội tư bản bóc lột, thể hiện lòng yêu thương con người, nhất là nhân dân lao động.
 - o Thể hiện lòng yêu nước, yêu hòa bình và tinh thần nhân đạo sâu sắc.

Về hội họa

- Van Gốc-Hà Lan: tranh sơn dầu
- Pablo Ruiz Picasso (1881-1973) là một họa sĩ, nhà điêu khắc Tây Ban Nha.
- Vincent Willem van Gogh (1853-1890) là một danh họa Hà Lan thuộc trường phái hậu Ấn tượng.
- Lê-vi-tan(1860-)họa sĩ người Nga, tác phẩm :mùa thu vàng, mùa xuân-con nước, ngày nắng, tháng ba, rừng bạch dương...

Về âm nhạc

- Petr Ilitch Tchaikovsky (1840-1893) đại diện tiêu biểu của âm nhạc hiện thực thế giới.Tác phẩm: Con đầm pích, ballet Hồ thiên nga...
- Tác dụng-ý nghĩa: Phản ánh hiện thực xã hội ở các nước trên thế giới thời kì cận đại. Mong ước xây dựng xã hội tốt đẹp hơn.

3. Trào lưu tư tưởng tiến bộ và sự ra đời, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học từ giữa TK XIX đến đầu TK XX (Giảm tải)

-----~~~~~

Phần hai : LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI (1917 – 1945)

Chương I : CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI NGA NĂM 1917 VÀ CÔNG CUỘC XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở LIÊN XÔ (1921 – 1941)

Bài 9: CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI NGA VÀ CUỘC ĐẤU TRANH BẢO VỆ CÁCH MẠNG (1917 – 1921)

I. Cách mạng tháng Mười Nga 1917.

1. Tình hình nước Nga trước cách mạng.

- *Về chính trị:*
 - o Đầu thế kỉ XX Nga vẫn là một nước quân chủ chuyên chế, đứng đầu là Nga hoàng
 - o Nga hoàng đã đẩy nhân dân Nga vào cuộc chiến tranh đế quốc, gây nên hậu quả kinh tế xã hội nghiêm trọng.
- *Về kinh tế:* lạc hậu, kiệt quệ vì chiến tranh, nạn đói xảy ra ở nhiều nơi, công nghiệp, nông nghiệp đình đốn.
- *Về xã hội:*

- Đời sống của nông dân, công nhân, các dân tộc trong đế quốc Nga vô cùng cực khổ.
- Phong trào phản đối chiến tranh đòi lật đổ Nga hoàng diễn ra khắp nơi.

2. Từ cách mạng tháng Hai đến cách mạng tháng Mười.

a. Cách mạng tháng Hai 1917:

- Diễn biến:
 - 23/2/1917, cách mạng bùng nổ bằng cuộc biểu tình của 9 vạn nữ công nhân Pê – tơ – rô – gờ - rát.
 - 27/2/1917, phong trào chuyển từ tổng bãi công chính trị sang khởi nghĩa vũ trang.
- Kết quả:
 - Chế độ Nga Hoàng bị lật đổ, Nga từ nước Cộng hòa =>Cục diện 2 chính quyền song song tồn tại.
 - Chính phủ tư sản lâm thời: giai cấp tư sản.
 - Xô viết đại biểu công nhân, nông dân và binh lính.
- Tính chất: Đây là cuộc cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới.

b. Cách mạng tháng Mười 1917:

- Tháng 4/1917, Lê – Nin thông qua luận cương tháng tư chủ trương chuyển từ CMDCTS sang CMXHCN.
- Đêm 24/10/1917 cuộc khởi nghĩa bùng nổ và thắng lợi ở thủ đô Pê – tơ – rô – grat.
- Chính phủ tư sản lâm thời bị lật đổ.
- Đầu năm 1918, cách mạng giành thắng lợi trên khắp cả nước.
- Tính chất: Đây là cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa.

II. Cuộc đấu tranh xây dựng và bảo vệ chính quyền Xô Viết.

(Giảm tải)

III. Ý nghĩa cách mạng tháng Mười Nga.

- Đối với nước Nga:
 - Làm thay đổi tình hình đất nước và xã hội Nga, giải phóng nhân dân lao động...
 - Đưa nhân dân lao động làm chủ đất nước và vận mệnh của mình.
- Đối với thế giới:
 - Làm thay đổi cục diện thế giới
 - Cổ vũ, thúc đẩy phong trào cách mạng thế giới.

----------

Bài 10: LIÊN XÔ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (1921- 1941)

I. Chính sách kinh tế mới và công cuộc khôi phục kinh tế (1921 – 1925)

1. Chính sách kinh tế mới.

- Hoàn cảnh:
 - Nền kinh tế bị tàn phá nghiêm trọng
 - Tình hình chính trị không ổn định, các thế lực phản cách mạng nổi dậy chống phá nhiều nơi.
 - Tháng 3/1921, Đảng Bôn – sê – vich quyết định thực hiện chính sách kinh tế mới.
- Nội dung:
 - Nông nghiệp: Ban hành thuế lương thực
 - Công nghiệp: Nhà nước khôi phục công nghiệp nặng.
 - Thương nghiệp, tiền tệ: Tư nhân được tự do buôn bán, đẩy mạnh mối quan hệ giữa nông thôn với thành thị...

=> Thực chất là chuyển nền kinh tế do nhà nước độc quyền sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần do nhà nước kiểm soát.

2. Sự thành lập Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết.

- Cuối tháng 12/1922, Liên Bang CHXHCN Xô viết được thành lập (gọi tắt là Liên Xô).
- Gồm 4 nước cộng hòa, đến năm 1940 có thêm 11 nước.

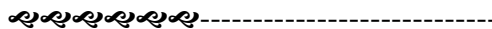
II. Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô (1925 - 1941)

1. Những kế hoạch 5 năm đầu tiên

- Hoàn cảnh:
 - Liên Xô vẫn có một nước nông nghiệp lạc hậu.
 - Bị các nước đế quốc bao vây, cô lập.
- Biện pháp:
 - Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng.
 - Có mục tiêu cụ thể cho từng kế hoạch dài hạn (1928 – 1932) và (1933 – 1937).
- Kết quả:
 - Công nghiệp: 1937, sản lượng công nghiệp chiếm 77,4% tổng sản phẩm quốc dân.
 - Nông nghiệp: Công cuộc tập thể hoá đã đưa 93% nông dân với trên 90% diện tích canh tác vào NN tập thể.
 - Văn hoá giáo dục: Thanh toán nạn mù chữ, hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học cả nước, phổ cập giáo dục trung học cơ sở ở thành phố.
 - Xã hội: Cơ cấu giai cấp thay đổi, các giai cấp bóc lột bị xoá bỏ, chỉ còn giai cấp công nhân, nông dân tập thể và tầng lớp trí thức XHCN.
- 1937, kế hoạch 5 năm lần thứ ba đang thực hiện thì bị gián đoạn bởi chiến tranh xâm lược của phát xít Đức.

2. Quan hệ ngoại giao của Liên Xô

- Từng bước thiết lập quan hệ ngoại giao với một số nước láng giềng ở châu Á và châu Âu.
 - Từng bước phá vỡ chính sách bao vây, cô lập về kinh tế và ngoại giao của các nước đế quốc.
- => Vị thế Liên Xô ngày càng nâng cao trên trường quốc tế-----



Chương III : CÁC NƯỚC TƯ BẢN GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918 – 1939)

Bài 11 : TINH HÌNH CÁC NƯỚC TƯ BẢN GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918 – 1939)

1. Thiết lập trật tự thế giới mới theo hệ thống Vécxai - Oasinhton:

- Sau CTTG I, các nước tư bản tổ chức Hội nghị hạ bình ? Vécxai (1919-1920) và Oasinhton (1921-1922) để phân chia quyền lợi. Một trật tự thế giới mới được thiết lập gọi là hệ thống Vécxai - Oasinhton
- Hệ thống này mang lại nhiều lợi lộc cho các nước thắng trận, xác lập sự nô dịch, áp đặt với các nước bại trận gây nên mâu thuẫn sâu sắc giữa các nước đế quốc.

2. Cao trào cách mạng 1918-1923 ở các nước tư bản. Quốc tế cộng sản

(Giảm tải)

3. Khủng hoảng kinh tế 1929 – 1933 và hậu quả của nó

- Nguyên nhân: Nền kinh tế tăng trưởng cao, nhưng do chạy theo lợi nhuận, sản xuất ồ ạt, hàng hoá ế thừa, cung vượt quá cầu.
- Tháng 10/1929 khủng hoảng kinh tế bùng nổ ở Mỹ rồi lan ra toàn bộ thế giới tư bản.
- Hậu quả :
 - Kinh tế: bị tàn phá nặng nề, người dân đói khổ.
 - Chính trị - Xã hội: Bất ổn định. Đấu tranh biểu tình ở khắp các nước.
- Để thoát khỏi khủng hoảng, các nước đã:
 - Tiến hành cải cách kinh tế - xã hội: Anh, Pháp, Mĩ
 - Thiết lập chế độ độc tài, phát xít: Đức, Ý, Nhật ...

4. Phong trào Mặt trận nhân dân chống phát xít và nguy cơ chiến tranh (Giảm tải)



Bài 12: NƯỚC ĐỨC GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918 – 1939)

I. Nước Đức trong những năm 1918 – 1929 (Đọc thêm)

II. Nước Đức trong những năm 1929 - 1939

1. Khủng hoảng kinh tế và quá trình Đảng quốc xã lên cầm quyền

- Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới cuối năm 1929 đã giáng đòn nặng nề làm kinh tế - chính trị-xã hội Đức khủng hoảng trầm trọng.
- Để đối phó lại khủng hoảng, giai cấp tư sản cầm quyền quyết định đưa Hít le -thủ lĩnh Đảng quốc xã Đức lên nắm chính quyền . ĐCS Đức kiên quyết đấu tranh song không ngăn cản được quá trình ấy.
- 30/1/1933, Hít le lên làm thủ tướng. Chủ nghĩa phát xít thắng thế ở Đức

2. Nước Đức trong những năm 1933 – 1939

Trong thời kỳ cầm quyền (1933-1939) Hítle đã thực hiện các chính sách tối phản động về chính trị, kinh tế, đối ngoại

- Về chính trị:
 - Ráo riết thiết lập nền chuyên chính độc tài, công khai khủng bố các đảng dân chủ tiến bộ, đặt Đảng cộng sản ra ngoài vòng pháp luật
 - Thủ tiêu nền cộng hòa Vaima, thiết lập nền chuyên chính độc tài do Hítle làm thủ lĩnh tối cao và tuyệt đối.
- Về kinh tế:
 - Tổ chức nền kinh tế tập trung, mệnh lệnh phục vụ nhu cầu quân sự.
 - Nền kinh tế của Đức đã vượt qua khủng hoảng. Năm 1938, tổng sản lượng công nghiệp Đức tăng 28% so với giai đoạn trước khủng hoảng và vượt qua một số nước tư bản châu Âu
- Về đối ngoại:
 - 10/1933 Đức tuyên bố rút khỏi hội Quốc liên, Tăng cường chuẩn bị chiến tranh xâm lược.
 - Ra lệnh tổng động viên quân dịch, xây dựng nước Đức trở thành 1 trại lính khổng lồ.
 - Ký với Nhật Bản “ Hiệp ước chống Quốc tế cộng sản”, hình thành khối phát xít Đức-Italia-Nhật Bản



Bài 13: NƯỚC MĨ GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918 – 1939)

I. Nước Mĩ trong những năm 1918 - 1929

(Giảm tải)

II. Nước Mĩ trong những năm 1929 – 1939

1. Cuộc khủng hoảng kinh tế (1929 – 1939) ở Mĩ

- Nguyên nhân: sản xuất ồ ạt => cung vượt quá cầu => khủng hoảng kinh tế thừa.
- Diễn biến:
 - 29/10/1929, cuộc khủng hoảng bắt đầu từ lĩnh vực tài chính, ngân hàng.
 - Năm 1932, khủng hoảng đạt đỉnh cao nhất.
- Hậu quả:
 - Tàn phá nghiêm trọng các ngành kinh tế
 - Nạn thất nghiệp tràn lan
 - Phong trào đấu tranh của các tầng lớp nhân dân lan rộng.

2. Chính sách mới của Tổng thống Mĩ Ru-đơ-ven.

- Nội dung:
 - Nhà nước can thiệp tích cực vào đời sống kinh tế.
 - Giải quyết nạn thất nghiệp thông qua ba đạo luật: ngân hàng, phục hưng công nghiệp, điều chỉnh nông nghiệp.
- Tác động:
 - Giải quyết nạn thất nghiệp.
 - Khôi phục sản xuất.
 - Xoa dịu mâu thuẫn xã hội.
 - Duy trì thể chế dân chủ tư sản.

* Chính sách đối ngoại.

- Thực hiện chính sách “Láng giềng thân thiện”, cải thiện quan hệ với các nước Mĩ Latinh.
- Thiết lập quan hệ ngoại giao với Liên Xô.
- “Trung lập” trước các cuộc xung đột quân sự ngoài nước Mĩ.

----------

Bài 14: NHẬT BẢN GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918 – 1939)

I. Nhật Bản trong những năm 1918 – 1929

(Giảm tải)

II. Khủng hoảng kinh tế (1929-1933) và quá trình quân phiệt hóa bộ máy nhà nước ở Nhật Bản.

1. Khủng hoảng kinh tế ở Nhật Bản.

- Kinh tế:
 - Giảm sút nghiêm trọng nhất là nông nghiệp.
 - Sản lượng công nghiệp năm 1931 giảm 32,5%
 - Ngoại thương giảm 80%
 - Đồng yên sụt giảm nghiêm trọng

=>Hậu quả: Nông dân phá sản, công nhân thất nghiệp =>xã hội mâu thuẫn và cuộc đấu tranh của nhân dân bùng nổ quyết liệt.

2. Quá trình quân phiệt hóa bộ máy nhà nước.

- Giới cầm quyền Nhật chủ trương quân phiệt hóa bộ máy nhà nước.
- Đặc điểm QT quân phiệt hóa
 - Là quá trình kết hợp giữa CN quân phiệt với nhà nước.
 - Kéo dài suốt trong thập niên 30.

o Song song với QT quân phiệt hóa, Nhật tiến hành chiến tranh xâm lược.
=> Nhật Bản trở thành lò lửa chiến tranh ở Châu Á.

3. Cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa quân phiệt của nhân dân Nhật Bản.

- Thời gian: Thập niên 30 của thế kỉ XX.
- Lãnh đạo: Đảng cộng sản.
- Hình thức: Biểu tình, bãi công, thành lập mặt trận nhân dân.
- Mục đích: Phản đối chính sách xâm lược hiếu chiến của chính quyền Nhật.
- Ý nghĩa: Làm chậm lại quá trình quân phiệt hóa bộ máy nhà nước ở Nhật.



Chương III: CÁC NƯỚC CHÂU Á GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918 – 1939)

Bài 15: PHONG TRÀO CÁCH MẠNG Ở TRUNG QUỐC VÀ ẤN ĐỘ (1918 – 1939)

I. Phong trào cách mạng ở Trung Quốc (1919 - 1939)

1. Phong trào Ngũ Tứ và sự thành lập Đảng Cộng sản Trung Quốc

a. Phong trào Ngũ tứ

- Mục tiêu đấu tranh: Chống đế quốc, chống phong kiến.
- Lực lượng: Học sinh, sinh viên, ... công nhân.
- Quy mô: Bắc Kinh lan rộng 22 Tỉnh và 150 Thành phố trong cả nước.
- Ý nghĩa:
 - o Giai cấp công nhân trở thành một lực lượng cách mạng độc lập.
 - o Đánh dấu bước chuyển từ Cách mạng dân chủ tư sản kiểu cũ sang Cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới.

b. Sự thành lập Đảng Cộng sản Trung Quốc

- Điều kiện, sự thành lập:
 - o Phong trào yêu nước, phong trào công nhân phát triển mạnh.
 - o Chủ nghĩa Mác - Lênin được truyền bá sâu rộng trong nhân dân, đặc biệt giai cấp công nhân.

=> Đảng Cộng sản Trung Quốc thành lập (Tháng 7/1921)

- ý nghĩa: Đánh dấu bước ngoặt quan trọng của cách mạng Trung Quốc.

2. Chiến tranh Bắc phạt (1926 - 1927) và Nội chiến Quốc - Cộng (1927 - 1937).

(Giảm tải)

II. Phong trào độc lập dân tộc ở Ấn Độ (1918 - 1939)

a. Giai đoạn 1918 – 1929

- Nguyên nhân: Hậu quả của chiến tranh thế giới thứ nhất => Mâu thuẫn xã hội căng thẳng.
- Phong trào độc lập những năm 1918 – 1922:
 - o Mục tiêu: Chống Anh.
 - o Lãnh đạo: Đảng Quốc Đại đứng đầu là M.Gan-di.
 - o Biện pháp: Hoà bình, không dùng bạo lực: biểu tình, bãi công...
 - o Lực lượng: Nông dân, công nhân, thị dân.

=>Tháng 12 năm 1925 Đảng Cộng sản Ấn Độ thành lập.

b. Giai đoạn 1929 – 1939:

(Giảm tải)

* Kết luận chung:

- Khuynh hướng Cách mạng tư sản có sự chuyển biến hướng tới mục tiêu dân tộc, dân chủ.

- Xuất hiện một khuynh hướng mới: Khuynh hướng Cách mạng vô sản, khuynh hướng này ngày càng có vị trí quan trọng trong phong trào giải phóng dân tộc ở một số nước: khi các Đảng Cộng được sản thành lập.



Bài 16: CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918 – 1939)

I. Tình hình các nước ĐNA sau CTTG thứ nhất.

1. Tình hình kinh tế, chính trị, xã hội. (Đọc thêm)

2. Khái quát về phong trào độc lập dân tộc ở Đông Nam Á.

- Phong trào dân tộc tư sản có những bước tiến rõ rệt.
- Từ đầu thập niên 20, giai cấp vô sản cũng bắt đầu trưởng thành và tham gia đấu tranh.

=>Phong trào độc lập dân tộc ở Đông Nam Á vào thời kì sôi nổi, quyết liệt.

II. Phong trào độc lập dân tộc ở In- đô- nê- xi- a. (Đọc thêm)

III. Phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp ở Lào và Campuchia (1918-1939)

Nước	Tên cuộc khởi nghĩa	Thời gian
Lào	Ong Kẹo và Com – ma – đam.	1901 – 1937 1918 – 1922
Cam – pu - chia	Phong trào chống thuế và chống bắt phu. Tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa vũ trang của nhân dân Rô – lê – phan.	1925 - 1926

- Phong trào phát triển mạnh nhưng còn mang tính tự phát, lẻ tẻ.
- Có sự liên minh chiến đấu giữa 3 nước Đông Dương
- Đảng cộng sản Đông Dương ra đời tạo nên sự phát triển mới của phong trào cách mạng ở Đông Dương.

IV. Cuộc đấu tranh chống thực dân Anh ở Mã lai và Miến Điện (1918-1939) (Đọc thêm)

V. Cuộc cách mạng năm 1932 ở Xiêm (Thái Lan) (Đọc thêm)



Chương IV: CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI (1939 – 1945)

Bài 17 : CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI (1939 – 1945)

I. Con đường dẫn đến chiến tranh

1. Các nước phát xít đẩy mạnh chính sách xâm lược (1931-1937)

- Đầu những năm 30, các nước Đức, Italia, Nhật Bản liên kết với nhau thành lập khối liên minh phát xít.
- 1931-1937, khối phát xít đẩy mạnh chính sách bành trướng xâm lược.
 - Nhật chiếm vùng Đông Bắc rồi mở rộng chiến tranh xâm lược trên toàn lãnh thổ Trung Quốc.
 - Italia xâm lược Ê -ti-ôpia (1935), cùng với Đức tham chiến ở Tây Ban nha (1936-1939).
 - Đức công khai xoá bỏ hoà ước Véc xai, âm mưu thành lập một nước "Đại Đức" ở châu Âu...

- Thái độ của các nước lớn:
 - Liên xô: kiên quyết chống chủ nghĩa phát xít, chủ trương liên kết với các nước Anh, Pháp để chống phát xít và nguy cơ chiến tranh.
 - Mỹ, Anh, Pháp: không liên kết chặt chẽ với Liên Xô để chống phát xít, trái lại còn thực hiện chính sách nhượng bộ phát xít hòng đẩy phát xít tấn công Liên Xô.

2. Từ hội nghị Mui -ních đến chiến tranh thế giới:

a. Hội nghị Mui nich:

- Hoàn cảnh triệu tập:
 - 3/1938, Đức thôn tính Áo. Sau đó, Hít le gây ra vụ xuy -đét nhằm thôn tính Tiệp Khắc.
 - Liên Xô kiên quyết giúp Tiệp Khắc chống xâm lược.
 - Anh -Pháp tiếp tục thoả hiệp, yêu cầu chính phủ Tiệp Khắc nhượng bộ Đức
- =>Do đó, 29/9/1938, Hội nghị Mui nich được triệu tập gồm đại diện 4 nước Anh, Pháp, Đức, I-ta - li - a.
- Nội dung: Anh-Pháp ký hiệp định trao vùng xuy -đét của Tiệp Khắc cho Đức. Đổi lại, Đức cam kết chấm dứt mọi cuộc thôn tính ở Châu Âu.
 - ý nghĩa:
 - Hội nghị Mui nich là đỉnh cao của chính sách dung túng, nhượng bộ phát xít của Mỹ -Anh -Pháp.
 - Thể hiện âm mưu thống nhất của chủ nghĩa đế quốc (kể cả Anh -Pháp -Mỹ và Đức -Italia -Nhật Bản) trong việc tiêu diệt Liên Xô.

b. Sau khi hội nghị Mui nich:

- Đức đưa quân thôn tính toàn bộ Tiệp Khắc (03/1939)
 - Tiếp đó, Đức gây hấn và chuẩn bị tấn công Ba Lan.
 - 23/8/1939 Đức ký với Liên Xô "hiệp ước Xô-Đức không xâm lược nhau"
- => Như vậy, Đức đã phản bội lại hiệp định Mui nich, thực hiện mưu đồ thôn tính Châu Âu trước rồi mới dốc toàn lực đánh Liên Xô.

II. Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ và lan rộng ở châu âu (từ tháng 9/1939 đến tháng 6/1941)

Thời gian	Chiến sự	Kết quả
Từ 01/9/1939 đến ngày 29/9/1939	Đức tấn công Ba Lan	Ba Lan bị Đức thôn tính.
Từ tháng 9/1939 đến tháng 4/1940.	“Chiến tranh kì quặc”	Tạo điều kiện để phát xít Đức phát triển mạnh lực lượng.
Từ tháng 4/1940 đến tháng 9/1940	Đức tấn công Bắc Âu và Tây Âu.	-Đan Mạch, Nauy, Bỉ, Hà Lan, Luc -xăm -Bua bị Đức thôn tính. Pháp đầu hàng Đức. Kế hoạch tấn công nước Anh không thực hiện được.
Từ tháng 10/1940 đến tháng 6/1941.	Đức tấn công Đông và Nam Âu	Rlumani, Hunggari, Bungari, Nam Tư, Hi Lạp bị thôn tính.

III. Chiến tranh lan rộng khắp thế giới (từ tháng 6-1941 đến tháng 11-1942)

1. Phát xít Đức tấn công Liên Xô. Chiến sự ở Bắc Phi

- Mặt trận Xô-Đức:
 - Ngày 22/6/1941, phát xít Đức tấn công Liên Xô theo kế hoạch đã định.

- Thời gian đầu nhờ có ưu thế về vũ khí và kinh nghiệm tác chiến nên quân Đức tiến sâu vào lãnh thổ Liên Xô.
- 12/1941, Hồng quân Liên Xô phản công quyết liệt, đẩy lùi quân Đức ra khỏi cửa ngõ Matxcova, làm phá sản kế hoạch "chiến tranh chớp nhoáng của Đức".
- Cuối năm 1942 Đức chuyển mũi nhọn tấn công xuống phía Nam nhằm chiếm Xtalingrat, song không thể chiếm thành phố này.
- Mặt trận Bắc Phi-9/1940, quân đội Italia tấn công Ai cập.
 - 10/1942, liên quân Mỹ -Anh giành thắng lợi lớn trong trận En-Alamen (Ai cập) và chuyển sang phản công trên toàn mặt trận.

2. Chiến tranh Thái Bình Dương bùng nổ

- 7/12/1941, quân Nhật bất ngờ tấn công hạm đội Mỹ ở Trân Châu Cảng. Bị thất bại nặng nề, Mỹ tuyên chiến với Đức-Italia -Nhật Bản. Chiến tranh Thái Bình Dương bùng nổ.
- Từ 12/1941-5/1942, Nhật Bản mở một loạt cuộc tấn công và chiếm được một vùng rộng lớn ở Đông á, Đông Nam Á và Thái Bình Dương.

3. Khối đồng minh chống phát xít hình thành.

- Nguyên nhân:
 - Hành động xâm lược của phe phát xít trên toàn thế giới đã thúc đẩy các quốc gia cùng phối hợp với nhau trong một liên minh chống phát xít.
 - Việc Liên Xô tha chiến đã cổ vũ mạnh mẽ cuộc kháng chiến của nhân dân các nước bị phát xít chiếm đóng, và khiến cho Mỹ -Anh thay đổi thái độ, bắt tay cùng Liên Xô chống chủ nghĩa phát xít.
- Sự thành lập: 01/1/1942, 26 nước (đứng đầu là Liên Xô, Mỹ, Anh) ra Tuyên ngôn cam kết cùng nhau tiến hành cuộc chiến đấu chống phát xít. Khối Đồng minh chống phát xít được thành lập.
- ý nghĩa: Việc Liên Xô tham chiến và sự ra đời của khối Đồng minh chống phát xít làm cho tính chất của CTTG II thay đổi, trở thành một cuộc chiến tranh chống chủ nghĩa phát xít, bảo vệ hòa bình nhân loại.

IV. Quân đồng minh chuyển sang phản công. Chiến tranh thế giới thứ II kết thúc (từ tháng 11/1942 đến tháng 9/1945)

1. Quân đồng minh phản công (từ tháng 11/1942 đến tháng 6/1944).

- ở mặt trận Xô-Đức:
 - Từ 11/1942 đến 2/1943, Hồng quân Liên Xô phản công, tiêu diệt và bắt sống toàn bộ đạo quân tinh nhuệ gồm 33 vạn người của phát xít Đức ở Xtalingrat.
 - ý nghĩa: Đánh dấu bước ngoặt của chiến tranh thế giới, buộc quân Đức phải chuyển từ tấn công sang phòng ngự, mở ra thời kỳ Liên Xô và phe Đồng minh chuyển sang tổng tấn công đồng loạt trên các mặt trận.
 - Cuối tháng 8/1943, Hồng quân bẻ gãy cuộc phản công của Đức tại vòng cung Cuôcxơ, đánh tan 50 vạn quân Đức.
 - 6/1944, phần lớn lãnh thổ Liên Xô được giải phóng.
- ở mặt trận Bắc phi: Từ tháng 3 đến tháng 5/1943, liên quân Mỹ - Anh phản công quét sạch quân Đức-Italia khỏi Châu phi. Chiến sự ở Châu phi chấm dứt.
- ở Italia: 7/1943 đến 5/1945, liên quân Mỹ -Anh tấn công truy kích quân phát xít, làm cho chủ nghĩa phát xít Italia bị sụp đổ, phát xít Đức phải khuất phục.
- ở Thái Bình Dương: Sau chiến thắng quân Nhật trong trận Gua-đan-ca-nan (1/1943) Mỹ chuyển sang phản công đánh chiếm các đảo ở Thái Bình Dương.

2. Phát xít Đức bị tiêu diệt, Nhật Bản đầu hàng, chiến tranh kết thúc

a. Phát xít Đức bị tiêu diệt

- Sau khi giải phóng các nước Trung và Đông Âu (1944), tháng 1/1945, Hồng quân Liên Xô mở cuộc tấn công Đức ở mặt trận phía Đông.
- Tháng 2/1945, Liên Xô tổ chức hội nghị Ianta gồm 3 nước Liên Xô, Mỹ, Anh bàn về việc tổ chức lại thế giới sau chiến tranh.
- Năm 1944, Mỹ, Anh mở Mặt trận thứ hai ở Tây Âu và bắt đầu mở cuộc tấn công quân Đức ở mặt trận phía Tây từ tháng 2/1945.
- Ngày 16/4 đến 30/4/1945, Hồng quân Liên Xô tấn công đánh bại hơn 1 triệu quân Đức tại Beclin. Chủ nghĩa phát xít Đức bị tiêu diệt.
- Tháng 9/1945, nước Đức đầu hàng không điều kiện. Chiến tranh chấm dứt ở Châu Âu.

b. Nhật Bản đầu hàng. Chiến tranh kết thúc

- Từ năm 1944, Mỹ-Anh triển khai tấn công quân Nhật ở Miến Điện, Philipin, các đảo ở Thái Bình Dương.
- Mỹ tăng cường đánh phá các thành phố lớn của Nhật bằng không quân. Ngày 6/8/1945 và 9/8/1945 Mỹ ném 2 quả bom nguyên tử xuống 2 thành phố Hiroshima và Nagasaki giết hại hàng vạn người.
- Ngày 8 tháng 8, Liên Xô tuyên chiến với Nhật và tấn công đạo quân Quan Đông gồm 70 vạn quân chủ lực của Nhật ở Mãn Châu.
- Ngày 15/8/1945, Nhật đầu hàng không điều kiện. Chiến tranh thế giới thứ II kết thúc.

V. Kết cục của chiến tranh thế giới thứ hai

- Chủ nghĩa phát xít Đức -Italia -Nhật Bản sụp đổ hoàn toàn. Thắng lợi vĩ đại thuộc về các dân tộc trên thế giới đã kiên cường chiến đấu chống chủ nghĩa phát xít. Trong đó, 3 cường quốc Liên Xô, Mỹ, Anh là lực lượng trụ cột, giữ vai trò quyết định trong việc tiêu diệt chủ nghĩa phát xít.
- Gây hậu quả và tổn thất nặng nề nhất trong lịch sử nhân loại, làm cho 60 triệu người chết, 90 triệu người bị thương, thiệt hại về vật chất 4000 tỷ đô la.
- Ý nghĩa: CTTG II kết thúc đã dẫn đến những biến đổi căn bản của tình hình thế giới.



Phần ba: LỊCH SỬ VIỆT NAM (1858 – 1918)

Chương I: VIỆT NAM TỪ 18158 ĐẾN CUỐI THẾ KỈ XIX

Bài 19 : NHÂN DÂN VIỆT NAM KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP XÂM LƯỢC (Từ năm 1858 đến trước năm 1873)

I. Liên quân Pháp - Tây Ban Nha xâm lược Việt Nam. Chiến sự ở Đà Nẵng năm 1858.

1. Tình hình Việt Nam đến giữa thế kỉ XIX trước khi thực dân Pháp xâm lược

- Kinh tế:
 - Nông nghiệp sa sút.
 - Công thương nghiệp đình đốn
- Quân sự: Lạc hậu
- Đối ngoại: Sai lầm (thi hành chính sách “bề quan tòa cảng” và “cấm đạo”)

=>Xã hội bất ổn, các cuộc khởi nghĩa chống lại triều đình nổ ra khắp nơi.

2. Thực dân Pháp chuẩn bị xâm lược Việt Nam

(Đọc thêm)

3. Chiến sự ở Đà Nẵng năm 1858

- Cuộc xâm lược của Pháp:
 - Chiều 31/8/1858 Liên quân Pháp - Tây Ban Nha dàn trận trước cửa biển Đà Nẵng.

- Ngày 1/9/1858: Liên quân Pháp – Tây Ban Nha tấn công bán đảo Sơn Trà, mở đầu cho cuộc xâm lược Việt Nam.
- Cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam:
 - Triều đình cử Nguyễn Tri Phương chỉ huy kháng chiến.
 - Quân dân anh dũng chiến đấu, thực hiện kế hoạch “vườn không nhà trống” gây cho địch nhiều khó khăn.
 - Khí thế kháng chiến sôi sục trong cả nước.
- Kết quả: Pháp bị cầm chân tại Đà Nẵng 5 tháng. Kế hoạch “đánh nhanh thắng nhanh” bước đầu bị thất bại.

II. Cuộc kháng chiến chống Pháp ở Gia Định và các tỉnh miền đông Nam Kỳ từ năm 1859 đến năm 1862

Mặt trận	Cuộc xâm lược của quân Pháp	Cuộc kháng chiến của quân dân Việt Nam	Kết quả
Gia Định năm 1859	17/2/1859 Pháp đánh chiếm thành Gia Định	Nhân dân chủ động kháng chiến ngay từ đầu.	Làm thất bại kế hoạch “đánh nhanh thắng nhanh” của Pháp
Gia Định năm 1860	1860 Pháp gặp khó khăn buộc phải dừng các cuộc tấn công, lực lượng ở Gia Định rất mỏng	Triều đình không tranh thủ tấn công Nhân dân tiếp tục tấn công địch ở đồn Chợ Rẫy(7/1860), trong khi triều đình xuất hiện tư tưởng cầu hòa	Pháp không mở rộng đánh chiếm được Gia Định, ở vào thế tiến thoái lưỡng nan

2. Kháng chiến lan rộng ra các tỉnh miền Đông Nam Kỳ. Hiệp ước 5/6/1862

- Tháng 02/1861, Pháp tấn công Đại Đồn Chí Hoà, quân ta kháng cự quyết liệt nhưng do hỏa lực địch quá mạnh, Nguyễn Tri Phương buộc phải rút lui. Pháp thừa thắng đánh chiếm Định Tường, Biên Hoà, Vĩnh Long.
- Phong trào kháng chiến của nhân dân dâng cao, Pháp đang vô cùng bối rối thì triều Nguyễn đã kí với Pháp bản hiệp ước Nhâm Tuất (05/06/1862) gồm 12 điều khoản.
- **Hiệp ước Nhâm Tuất 5-6-1862**
 - Về lãnh thổ: Huế thừa nhận quyền cai quản của Pháp ở Gia Định - Định Tường - Biên Hòa .Pháp trả lại Vĩnh Long khi nào triều đình buộc nhân dân ngừng kháng chiến
 - Về thông thương: mở 3 cửa biển Đà Nẵng ,Ba Lạt ,Quảng Yên cho Pháp vào tự do buôn bán .
 - Về chiến phí: bồi thường cho Pháp 288 vạn lạng bạc .
 - Về truyền giáo: cho phép người Pháp và Tây Ban Nha tự do truyền đạo Gia Tô và bãi bỏ lệnh cấm đạo

III. Cuộc kháng chiến của nhân dân Nam Kỳ sau Hiệp ước 1862

1. Nhân dân ba tỉnh miền Đông tiếp tục kháng chiến sau Hiệp ước 1862

Mặt trận	Cuộc tấn công của quân Pháp	Cuộc kháng chiến của nhân dân	Thái độ của triều đình
Miền Đông Nam Kỳ trước	Ngày 23/2/1861, quân	Kháng chiến của nhân	Giữa lúc phong trào

1862	Pháp tấn công đánh chiếm Đại đồn Chí Hòa Tiếp đó, Pháp chiếm luôn Định Tường (12/4/1861), Biên Hòa (18/12/1861), Vĩnh Long (23/3/1862)	dân phát triển mạnh mẽ Trận đánh lớn: 10/12/1861, nghĩa quân Nguyễn Trung Trực đốt cháy tàu giặc trên sông Nhật Tảo	kháng chiến của nhân dân ngày một dâng cao thì triều đình Huế kí với Pháp Hiệp ước Nhâm Tuất (5/6/1862).
Miền Đông Nam Kỳ sau 1862	Pháp dùng các cuộc tấn công để tập trung lực lượng bình định miền Tây.	Nhân dân vừa tiếp tục chống Pháp vừa chống phong kiến đầu hàng Tiêu biểu: Khởi nghĩa Trương Định	Triều đình ra lệnh giải tán các đội nghĩa binh chống Pháp.

2. Thực dân Pháp chiếm ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ. Nhân dân ba tỉnh miền Tây chống Pháp

- Ngày 20/6/1867 Pháp dàn trận trước thành Vĩnh Long -> Phan Thanh Giản nộp thành.
- Từ 20 -> 24/6/1867 Pháp chiếm trọn 3 tỉnh miền Tây Nam Kỳ (Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên) không tốn 1 viên đạn.
- Lúc bấy giờ triều đình lúng túng, bạc nhược, nhanh chóng đầu hàng giặc.
- Nhân dân miền Tây anh dũng kháng chiến.
- Tiêu biểu là: Trương Quyền, Nguyễn Trung Trực, Nguyễn Hữu Huân...



Bài 20: CHIẾN SỰ LAN RỘNG RA CẢ NƯỚC. CUỘC KHÁNG CHIẾN CỦA NHÂN DÂN TA TỪ NĂM 1873 ĐẾN NĂM 1884. NHÀ NGUYỄN ĐẦU HÀNG

I. Thực dân Pháp đánh Bắc Kỳ lần thứ nhất (1873), kháng chiến lan rộng ra Bắc Kỳ.

1. Tình hình Việt Nam trước khi Pháp đánh Bắc kỳ lần thứ nhất

(Giảm tải)

2. Thực dân Pháp đánh chiếm Bắc kỳ lần thứ nhất (1873)

- Ngày 5-11-1873 tàu chiến của Pháp do Gác- ni -ê ra đến hà nội, giở trò khiêu khích quân ta.
- Ngày 19-11-1873 Pháp gửi tối hậu thư cho tổng đốc Hà Nội.
- Không đợi trả lời, ngày 12-11-1873 Pháp tấn công thành Hà Nội, chúng chiếm được thành sau đó mở rộng đánh chiếm các tỉnh đồng bằng sông Hồng.

3. Phong trào kháng chiến ở Bắc Kỳ trong những năm 1873-1874

- Triều đình Nhà Nguyễn:
 - Khi Pháp đánh Hà Nội 100 binh lính đã chiến đấu và hi sinh tại Ô Quan Chưởng
 - Trong thành Tổng đốc Nguyễn Tri Phương chỉ huy quân sĩ chiến đấu dũng cảm. Ông hi sinh, thành Hà Nội thất thủ, quân triều đình tan rã nhanh chóng.
- Nhân dân ta:
 - Nhân dân ta chủ động kháng chiến không hợp tác với giặc.
 - Khi thành HN thất thủ, nhân dân Hà nội và nhân dân các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ vẫn tiếp tục chiến đấu, buộc Pháp phải rút về các tỉnh lỵ cố thủ.
 - Ngày 21-12-1873 quân ta phục kích tại Cầu Giấy, Gác-ni-ê tử trận. Thực dân Pháp hoang mang chủ động đàm phán với triều đình.

- Năm 1874 triều đình kí với Pháp Hiệp ước Giáp Tuất, dâng toàn bộ 6 tỉnh Nam kì cho Pháp.

=> Bản Hiệp ước đã gây nên sự bất bình lớn trong nhân dân. Từ đây phong trào kháng chiến đả chống cả thực dân và phong kiến.

II. Thực dân pháp đánh bắc kì lần thứ hai. Cuộc kháng chiến ở Bắc kì và Trung kì

1. Quân Pháp đánh chiếm Hà Nội và các tỉnh Bắc Kỳ lần thứ hai (1882 – 1883).

- Nguyên nhân:
 - Nước Pháp chuyển sang giai đoạn ĐQCN cần rất nhiều về thị trường, nguyên liệu, nhân công.
 - Hoàn thành xâm lược Bắc Kỳ sau đó thôn tính toàn bộ đất nước ta.
- Diễn biến :
 - 1874 Pháp vu cáo triều đình Huế vi phạm hiệp ước 1874 để lấy cớ kéo quân ra Bắc.
 - Ngày 3-4-1882 Pháp bắt ngờ đổ bộ lên Hà Nội.
 - Ngày 25-4-1882 Pháp nổ súng chiếm thành Hà Nội
 - Tháng 3-1883 Pháp chiếm mỏ than Hòn Gai, Quảng Yên, Nam Định.

2. Nhân dân Hà Nội và các tỉnh Bắc Kỳ kháng chiến.

- Cuộc chiến đấu ở Hà Nội:
 - Nhân dân đốt nhà đốt phố để cản giặc
 - Quân triều đình dưới sự lãnh đạo của tổng đốc Hoàng Diệu kiên quyết chống cự nhưng không giữ được thành, Hoàng Diệu tự vẫn

=> Quân dân Hà Nội chiến đấu với tinh thần anh dũng

- Cuộc chiến đấu ở các tỉnh Bắc Kỳ :
 - Các văn thân sỹ phu tiếp tục lãnh đạo nhân dân kháng chiến anh dũng như ở : Sơn Tây, Nam Định ...

III. Thực dân Pháp tấn công cửa biển Thuận An. Hiệp ước 1883 và Hiệp ước 1884

1. Pháp tấn công cửa biển Thuận An

(Giảm tải)

2. Hai bản Hiệp ước 1883 và 1884. Nhà nước phong kiến nhà Nguyễn đầu hàng

Hiệp ước Hác – măng (25/8/1883):

- Hoàn cảnh: Mất Thuận An nhà Nguyễn xin đình chiến ký hiệp ước với cao uỷ của Pháp là Hác Măng.
- Nội dung:
 - Chính trị : Pháp thừa nhận sự bảo hộ của nước Pháp trên toàn cõi Việt Nam.
 - Nam Kỳ là thuộc địa
 - Bắc Kỳ là đất bảo hộ
 - Trung Kỳ do triều đình quản lí đại diện Pháp trực tiếp điều khiển công việc
 - Ngoại giao: Do Pháp nắm giữ
 - Quân sự: Pháp được tự do đóng quân...
 - Kinh tế: Pháp kiểm soát toàn bộ nguồn lợi trong nước

Hiệp ước Pa – to – nốt (6/6/1884):

- Hoàn cảnh:
 - Sau hiệp ước Hác- măng phong trào kháng chiến vẫn nổ ra. Nhiều trung tâm kháng chiến được hình thành. Pháp tiến hành tiêu diệt các trung tâm kháng chiến và điều đình với quân Thanh.
- Nội dung:

- o Gồm 19 điều khoản cơ bản giống hiệp ước Hác- măng chỉ chỉnh sửa một số điều nhằm xoa dịu dư luận và mua chuộc quan lại phong kiến.



Bài 21: PHONG TRÀO YÊU NƯỚC CHỐNG PHÁP CỦA NHÂN DÂN VIỆT NAM CUỐI THẾ KỈ XIX

I. Phong trào Cần Vương bùng nổ.

1. Cuộc phản công quân Pháp của phái chủ chiến tại Kinh thành Huế và sự bùng nổ phong trào Cần vương.

a. Nguyên nhân:

- Những hành động của phái chủ chiến nhằm chuẩn bị cho một cuộc nổi dậy chống Pháp giành chủ quyền.
- Thục dân Pháp âm mưu tiêu diệt phe chủ chiến

=> Tôn Thất Thuyết quyết định ra tay trước.

b. Diễn biến:

- Đêm 4 rạng 5/7/1885, Tôn Thất Thuyết hạ lệnh tấn công Pháp vào tòa Khâm sứ và đồn Mang Cá.
- Rạng sáng 5/7/1885, Pháp phản công. Tôn Thất Thuyết đưa vua Hàm Nghi ra khỏi kinh thành lên Tân Sở (Quảng Trị).
- 13/7/1885, Tôn Thất Thuyết lấy danh nghĩa vua Hàm Nghi xuống chiếu Cần vương, kêu gọi nhân dân giúp vua cứu nước.

2. Các giai đoạn phát triển của phong trào Cần vương.

	Giai đoạn 1 (1885 – 1888)	Giai đoạn 2 (1888 – 1896)
Lãnh đạo	Hàm Nghi, Tôn Thất Thuyết, các văn thân, sĩ phu yêu nước	Các văn thân, sĩ phu yêu nước
Lực lượng	Đông đảo nhân dân, có cả dân tộc thiểu số	Đông đảo các tầng lớp nhân dân
Địa bàn	Phạm vi rộng lớn nhất là ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ.	Thu hẹp, qui mô thành trung tâm lớn, chủ yếu ở miền núi và trung du
Kết quả	Cuối năm 1888, Hàm Nghi bị Pháp bắt và lưu đày sang Angiêri.	Đến năm 1896 phong trào thất bại.
Đặc điểm	Dưới sự chỉ huy chung của triều đình, phong trào diễn ra mạnh mẽ với qui mô rộng lớn. Tiêu biểu là Bắc Kỳ và Trung Kỳ.	Dưới sự chỉ huy của văn thân, sĩ phu, phong trào tiếp tục phát triển và quy tụ thành những trung tâm ở miền núi và trung du.

II. Một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong phong trào Cần Vương và phong trào đấu tranh tự vệ cuối thế kỉ XIX.

1. Khởi nghĩa Bãi Sậy, Ba Đình, Hương Khê

	Khởi nghĩa Bãi Sậy	Khởi nghĩa Ba Đình (Độc thêm)	Khởi nghĩa Hương Khê
Lãnh đạo	Nguyễn Thiện Thuật	Phạm Bành, Đinh Công Tráng	Phan Đình Phùng, Cao Thắng

Địa bàn hoạt động	Căn cứ chính: Bãi Sậy (Hưng Yên). Hoạt động sang cả Hải Dương, Bắc Ninh	Căn cứ chính: Ba Đình Địa bàn ở ba làng: Mậu thịnh, Thượng Thọ, Mỹ Khê (Nga Sơn – Thanh Hóa)	Căn cứ chính: Hương Khê (Hà Tĩnh). Hoạt động rộng khắp 4 tỉnh Bắc Trung Kỳ.
Hoạt động chính	1885 đến 1887: Nghĩa quân đẩy lùi nhiều cuộc càn quét, gây cho địch nhiều thiệt hại. 1888 đến 1892: Nghĩa quân chiến đấu quyết liệt, di chuyển linh hoạt, đánh thắng một số trận lớn.	Xây dựng căn cứ kiên cố, độc đáo. Xây dựng lực lượng tập trung có khoảng 300 người. Hoạt động chủ yếu chặn đánh các đoàn xe, toán lính đi qua căn cứ gây cho Pháp nhiều khó khăn.	1885 đến 1888: Chuẩn bị lực lượng, xây dựng căn cứ, chế tạo vũ khí, tích trữ lương thực. 1888 đến 1896: Chiến đấu quyết liệt, mở các cuộc tập kích, đẩy lùi quân địch, chủ động tấn công nhiều trận lớn.
Kết quả, ý nghĩa	Khi quân Pháp bao vây, Nguyễn Thiện Thuật phải sang Trung Quốc, Đốc Tín ra hàng (1889). Để lại những kinh nghiệm tác chiến ở vùng đồng bằng.	Cuộc khởi nghĩa bị dập tắt sau khi Pháp mở cuộc tấn công vào căn cứ, Pháp cũng bị nhiều thiệt hại. Quân Pháp triệt hạ ba làng nhưng không thể xóa được ảnh hưởng to lớn của cuộc khởi nghĩa. Thể hiện truyền thống chiến đấu bất khuất, cổ vũ tinh thần đấu tranh của nhân dân ta.	Phan Đình Phùng hi sinh, đến 1896 khởi nghĩa thất bại. Là cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong phong trào Cần Vương.

2. Khởi nghĩa Yên Thế (1884 – 1913)

a. Nguyên nhân:

- Kinh tế nông nghiệp sa sút, một bộ phận cư dân đồng bằng Bắc Kỳ phải phiêu tán lên Yên Thế sinh sống.
- Khi Pháp mở các cuộc hành quân bình định, cuộc sống người dân bị xâm phạm, nông dân Yên Thế đã đứng dậy khởi nghĩa.

b. Diễn biến:

- 1884 - 1892: dưới sự chỉ huy của Đề Năm, nghĩa quân đẩy lùi nhiều cuộc tấn công của giặc Pháp.
- 1893 - 1897: do Đề Thám lãnh đạo, hai lần tạm hòa với Pháp, nghĩa quân làm chủ 4 tổng ở Bắc Giang (Nhã Nam, Mục Sơn, Yên Lễ, Hữu Thượng).
- 1898 - 1908: 10 năm hòa hoãn, sản xuất luyện tập quân sự, hội tụ những nghĩa sĩ yêu nước.
- 1909 - 1913: Pháp ra sức tấn công, nghĩa quân di chuyển nhiều nơi. Tháng 2/1913, Đề Thám bị sát hại, khởi nghĩa tan rã.

c. Ý nghĩa:

- Thể hiện tiềm năng, ý chí, sức mạnh to lớn của nông dân trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.



Chương II: VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ XX ĐẾN HẾT CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1918)

Bài 22: XÃ HỘI VIỆT NAM TRONG CUỘC KHAI THÁC THUỘC ĐỊA LẦN THỨ NHẤT

1. Những chuyển biến về kinh tế

- 1897, chính phủ Pháp cử Pôn Đu-me sang làm toàn quyền Đông Dương để hoàn thiện bộ máy thống trị và tiến hành cuộc khai thác lần thứ nhất.

a. Mục đích:

- Vơ vét, bóc lột sức người, sức của .
- Biến Việt Nam thành thị trường riêng và làm giàu cho chính quốc

b. Nội dung khai thác:

- Nông nghiệp: Pháp đẩy mạnh chiếm đoạt ruộng đất, lập đồn điền trồng lúa, cà phê, cao su... (1907, lập được 244 đồn điền)
- Công nghiệp: Pháp đẩy mạnh khai thác tài nguyên thiên nhiên, nhất là khai thác mỏ (than đá, thiếc, kẽm...). Một số cơ sở công nghiệp dịch vụ, chế biến ra đời: điện nước, bưu điện...
- Giao thông vận tải: Pháp chú ý đến việc XD hệ thống giao thông (đường bộ, sắt, thủy...) vừa phục vụ công cuộc khai thác lâu dài, vừa phục vụ mục đích quân sự.
- Thương nghiệp: Pháp độc chiếm thị trường, nguyên vật liệu, thu thuế...

c. Tác động:

- Tích cực: Những yếu tố nền sản xuất TBCN du nhập vào nước ta. So với nền kinh tế Phong kiến có nhiều tiến bộ, của cải vật chất sản xuất được nhiều hơn.
- Tiêu cực:
 - Tài nguyên thiên nhiên bị vơ vét cạn kiệt, Việt Nam trở thành thị trường tiêu thụ hàng hoá cho Pháp...
 - Vẫn duy trì phương thức bóc lột PK trong mọi lĩnh vực...

2. Những chuyển biến về xã hội

Xã hội Việt Nam biến đổi sâu sắc: Giai cấp cũ vẫn tồn tại, giai cấp, tầng lớp mới ra đời.

- Giai cấp cũ:
 - Địa chủ phong kiến
 - Đại địa chủ: Rất giàu có, câu kết với Pháp làm tay sai cho Pháp
 - Trung, tiểu địa chủ: ít nhiều có tinh thần chống Pháp
 - Nông dân: Số lượng đông đảo, bị đế quốc phong kiến bóc lột, đời sống vô cùng khổ cực, một số bị phá sản trở thành công nhân.
- Giai cấp mới:
 - Công nhân: Họ vừa ra đời, còn non trẻ, số lượng ít. Họ bị ba tầng áp bức bóc lột. Họ sớm có tinh thần đấu tranh.
 - Tầng lớp tư sản: Xuất thân từ những người buôn bán, sĩ phu yêu nước tiến bộ. Họ bị thực dân Pháp cạnh tranh, chèn ép, thế lực yếu. Họ có ý thức dân tộc, là cơ sở để tiếp thu khuynh hướng dân chủ tư sản từ bên ngoài.
 - Tầng lớp tiểu tư sản: Họ là những tiểu chủ, tiểu thương, viên chức, học sinh, sinh viên... Họ bị bạc đãi, đời sống bấp bênh. Họ có ý thức dân tộc, dễ tiếp thu tư tưởng tiến bộ từ bên ngoài.

=>Tạo điều kiện bên trong cho cuộc vận động giải phóng dân tộc theo khuynh hướng mới ở đầu thế kỉ XX.

~~~~~

**Bài 23: PHONG TRÀO YÊU NƯỚC VÀ CÁCH MẠNG Ở VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ XX ĐẾN TRƯỚC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1914)**

**1. Phan Bội Châu và xu hướng phản động**

**a. Tóm tắt tiểu sử Phan Bội Châu**

- Phan Bội Châu quê ở Nam Đàn, Nghệ An
- Trong gia đình nhà nho giàu truyền thống yêu nước
- Từ nhỏ Phan Bội Châu nổi tiếng thông minh và đã sôi sục nhiệt tình cứu nước
- Năm 1900, ông bắt đầu con đường hoạt động cách mạng

**b. Hoạt động cứu nước**

- Tháng 5/ 1904 thành lập hội Duy Tân
- Năm 1905 đến 1908 : Phong trào Đông Du, đưa được 200 thanh niên sang Nhật học .
- Tháng 6/1912 thành lập Việt Nam Quang phục hội
- Mục đích : Đánh Pháp, giành độc lập
- Kết quả: Thất bại
- Đánh giá:
  - Tiến bộ: Phương pháp bạo động
  - Hạn chế: Dựa vào đế quốc

**2. Phan Châu Trinh và xu hướng cải cách**

**a. Tóm tắt tiểu sử:**

- Phan Châu Trinh hiệu Tây Hồ, biệt hiệu Hy Mã.
- Quê quán: phủ Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam
- Năm 1900 đỗ cử nhân, năm 1901 đỗ phó bảng, làm quan với triều đình Huế.
- Năm 1904 từ quan, bắt đầu hoạt động cứu nước.

**b. Hoạt động cứu nước**

1906 mở cuộc vận động Duy tân ở Trung kỳ:

- Kinh tế:
  - Chấn hưng doanh nghiệp, lập hội kinh doanh
  - Phát triển nghề làm vườn, nghề thủ công
- Giáo dục: Mở trường dạy học theo lối mới
- Văn hóa: Cải cách trang phục và lối sống

=>Phong trào đang phát triển mạnh bị thực dân Pháp đàn áp.

**3. Đông Kinh nghĩa thực. Vụ đầu độc lính Pháp ở Hà Nội và những hoạt động cuối cùng của nghĩa quân Yên Thế. (Đọc thêm)**

-----  
~~~~~

Bài 24: VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1914 – 1918)

I. Tình hình kinh tế - xã hội

1. Những biến động về kinh tế

- Âm mưu của Pháp: Vơ vét nhân lực, vật lực, tài lực để gánh đỡ những tổn thất và thiếu hụt của Pháp trong chiến tranh.
- Chính sách kinh tế của Pháp:
 - Tăng các loại thuế, bắt nh dân mua công trái.
 - Vơ vét lúa gạo, kim loại đưa về nước Pháp.

- Bắt nhân dân chuyển từ trồng lúa sang trồng cây công nghiệp phục vụ chiến tranh.
- Nói lỏng độc quyền cho tư sản người Việt tự do kinh doanh.
- Chuyển biến:
 - Gây tổn hại nền nông nghiệp trồng lúa; nông dân bị bần cùng hóa.
 - Một số ngành công nghiệp, giao thông vận tải, nội thương có điều kiện phát triển.

2. Tình hình phân hóa xã hội:

- Xã hội Việt Nam tiếp tục phân hóa sâu sắc.
 - Nông dân tiếp tục bị bần cùng hóa và nhiều người bị bắt đi lính sang chiến trường Châu Âu.
 - Số lượng công nhân, tư sản, tiểu tư sản tăng nhanh, bắt đầu đấu tranh bênh vực quyền lợi cho người trong nước.
- Ảnh hưởng:
 - Mâu thuẫn xã hội gay gắt hơn.
 - Số lượng công nhân, tư sản, tiểu tư sản tăng nhanh, nhận thức rõ hơn vai trò chính trị của mình.

II. Phong trào đấu tranh vũ trang trong chiến tranh

Phong trào	Địa bàn	Hình thức	Lực lượng	Kết quả
Hoạt động của Việt Nam Quang Phục hội	Biên giới Việt Trung	Vũ trang	Công nhân, viên chức	Thất bại
Cuộc vận động khởi nghĩa của Thái Phiên và Trần Cao Vân	Trung Kỳ	Khởi nghĩa	Nhân dân, binh lính	Thất bại
Khởi nghĩa của binh lính Thái Nguyên	Thái Nguyên	Khởi nghĩa	Tù chính trị, binh lính	Thất bại
Phong trào hội kín ở Nam Kỳ	Nam Kỳ	Vũ trang	Nông dân	Thất bại
Những cuộc khởi nghĩa vũ trang của đồng bào các dân tộc thiểu số.	Tây Bắc, Đông Bắc, Tây Nguyên	Khởi nghĩa, vũ trang	Các dân tộc thiểu số	Thất bại

III. Sự xuất hiện khuynh hướng cứu nước mới

1. Phong trào công nhân

- Phong trào công nhân phát triển mạnh
- Hình thức: đấu tranh kinh tế kết hợp với bạo động vũ trang.
- Mục tiêu: chủ yếu đòi quyền lợi kinh tế

=> Phong trào đấu tranh mang tính tự phát.

2. Buổi đầu hoạt động của Nguyễn Ái Quốc

- Hoàn cảnh ra đi tìm đường cứu nước
 - Lớn lên giữa lúc nước mất, nhà tan, lại được chứng kiến nỗi thống khổ của nhân dân dưới ách thống trị của đế quốc, phong kiến.
 - Các cuộc đấu tranh đều thất bại, bế tắc.

⇒ Người sớm nuôi ý chí đánh đuổi thực dân Pháp, giải phóng đồng bào.

- Các hoạt động của Nguyễn Ái Quốc

- Ngày 5/6/1911 Nguyễn Ái Quốc ra đi tìm đường cứu nước
- Năm 1911-1917, Người đi nhiều nước, làm nhiều nghề, tiếp xúc với nhiều người
=> hiểu rõ ở đâu bọn đế quốc cũng tàn bạo, độc ác, nhân dân lao động bị áp bức bóc lột dã man
- Năm 1917 Người trở lại Pháp, tích cực hoạt động tổ cáo thực dân Pháp, tiếp nhận ảnh hưởng Cách mạng tháng Mười Nga, tư tưởng của người dần dần biến đổi.